

Số: 91 /BC-NTr

Si Pa Phìn, ngày 01 tháng 6 năm 2026

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**Công khai trong hoạt động của Trường PTNT liên cấp Tiểu học và**  
**THCS Si Pa Phìn, năm học 2025-2026**

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ tình hình thực tế tổ chức và hoạt động của Trường PTNT liên cấp Tiểu học và THCS Si Pa Phìn năm học 2025-2026;

Trường PTNT liên cấp Tiểu học và THCS Si Pa Phìn báo cáo thường niên thực hiện công khai năm học 2025-2026, cụ thể như sau:

**I. THÔNG TIN CHUNG CỦA NHÀ TRƯỜNG**

**1. Tên cơ sở giáo dục**

Tên trường: Trường PTNT liên cấp Tiểu học và THCS Si Pa Phìn.

Tên giao dịch bằng tiếng nước ngoài: Không có.

**2. Địa chỉ, thông tin liên hệ**

- Địa chỉ: Bản Nậm Chim 1, Xã Si Pa Phìn, tỉnh Điện Biên;

- Điện thoại: 0941339037;

- Email: [truongptntsipaphin@gmail.com](mailto:truongptntsipaphin@gmail.com)

- Trang thông tin điện tử: <https://th-thcssipaphin.dienbien.edu.vn>

**3. Loại hình cơ sở giáo dục**

- Trường PTNT liên cấp Tiểu học và THCS Si Pa Phìn là cơ sở giáo dục phổ thông công lập, thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp Tiểu học và cấp Trung học cơ sở theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; tổ chức hoạt động giáo dục, nuôi dưỡng, quản lý học sinh nội trú, bán trú theo điều kiện thực tế của địa phương.

- Cơ quan quản lý trực tiếp: UBND xã Si Pa Phìn.

**4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu**

Sứ mạng của nhà trường là tổ chức chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục học sinh vùng biên giới, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; tạo điều kiện để học sinh được học tập trong môi trường an toàn, nền nếp, có chất lượng, góp phần nâng cao dân trí, phát triển nguồn nhân lực tại địa phương.

Tầm nhìn của nhà trường là xây dựng Trường PTNT liên cấp Tiểu học và THCS Si Pa Phìn trở thành cơ sở giáo dục nội trú liên cấp có chất lượng, có môi trường giáo dục thân thiện, kỷ cương, phù hợp với đặc thù học sinh vùng biên giới, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Mục tiêu của nhà trường là duy trì và nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện; bảo đảm học sinh được học tập, rèn luyện, sinh hoạt, ăn ở trong điều kiện an toàn; chú trọng giáo dục đạo đức, kỹ năng sống, ý thức tự quản, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc và trách nhiệm với cộng đồng.

### **5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển**

Trường PTNT liên cấp Tiểu học và THCS Si Pa Phìn được thành lập và đi vào hoạt động từ tháng 03/2026, nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển giáo dục tại địa bàn xã Si Pa Phìn, tỉnh Điện Biên; góp phần thực hiện chủ trương nâng cao chất lượng giáo dục vùng biên giới, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Năm học 2025-2026, nhà trường tổ chức hoạt động giáo dục đối với hai cấp học: Tiểu học và Trung học cơ sở; đồng thời thực hiện nhiệm vụ quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng học sinh nội trú, bán trú. Trong quá trình hoạt động, nhà trường từng bước ổn định tổ chức bộ máy, đội ngũ, cơ sở vật chất, nền nếp dạy học, sinh hoạt và quản lý học sinh.

### **6. Người đại diện theo pháp luật**

- Họ và tên: Nguyễn Văn Dúp.
- Chức vụ: Hiệu trưởng.
- Địa chỉ làm việc: Trường PTNT liên cấp Tiểu học và THCS Si Pa Phìn.
- Điện thoại: 0941339037
- Email: nguyendup1979@gmail.com

### **7. Tổ chức bộ máy**

- Nhà trường được thành lập từ ngày 20/01/2026 theo Quyết định số 18/QĐ-UBND ngày 16/01/2026 của UBND xã Si Pa Phìn và đi vào hoạt động từ ngày 01/3/2026 theo Quyết định số 157/QĐ-UBND ngày 25/02/2026 của UBND xã Si Pa Phìn.

- Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Trường PTNT Tiểu học và THCS Si Pa Phìn:

Trường PTNT liên cấp Tiểu học và THCS Si Pa Phìn hoạt động theo:

+ Thông tư số 15/2026/TT-BGDĐT ngày 24/3/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường Tiểu học, trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học;

+ Thông tư số 12/2026/TT-BGDĐT ngày 04/3/2026 của Bộ giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường phổ thông nội trú;

+ Các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan và Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường PTNT Tiểu học và THCS Si Pa Phìn.

- Nhà trường thực hiện chức năng tổ chức các hoạt động giáo dục đối với cấp Tiểu học và cấp Trung học cơ sở; quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng học sinh nội trú, bán trú; huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực theo quy định; phối hợp với gia đình và xã hội trong công tác giáo dục học sinh.

- Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có: 01 chi bộ gồm 39 đảng viên.

- Nhà trường có 03 Ban Giám hiệu, các tổ chuyên môn, tổ văn phòng và các tổ đặc thù phục vụ hoạt động giáo dục, quản lý học sinh nội trú, bán trú.

Cơ cấu tổ chức gồm:

TT	Bộ phận/tổ chức	Nhiệm vụ	Ghi chú
1	Ban Giám hiệu	Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng	Theo Quyết định điều động bổ nhiệm của UBND xã
2	Tổ Khoa học tự nhiên	Phụ trách các môn/lĩnh vực thuộc KHTN	Theo Quyết định của Hiệu trưởng nhà trường
3	Tổ Khoa học xã hội	Phụ trách các môn/lĩnh vực thuộc KHXXH	Theo Quyết định của Hiệu trưởng nhà trường
4	Tổ Bộ môn chung	Phụ trách các môn/lĩnh vực bộ môn chung	Theo Quyết định của Hiệu trưởng nhà trường
5	Tổ khối 1	Phụ trách các môn/lĩnh vực thuộc khối 1	Theo Quyết định của Hiệu trưởng nhà trường
6	Tổ khối 2+3	Phụ trách các môn/lĩnh vực thuộc khối 2+3	Theo Quyết định của Hiệu trưởng nhà trường
7	Tổ khối 4+5	Phụ trách các môn/lĩnh vực thuộc khối 4+5	Theo Quyết định của Hiệu trưởng nhà trường
8	Tổ Văn phòng	Tham mưu hành chính, tài chính, văn thư, y tế, thư viện, thiết bị	Theo Quyết định của Hiệu trưởng nhà trường
9	Tổ Quản trú học sinh	Quản lý, chăm sóc, hỗ trợ học sinh nội trú, bán trú	Theo Quyết định của Hiệu trưởng nhà trường
10	Tổ Cơ sở vật chất	Theo dõi, quản lý, bảo quản cơ sở vật chất, thiết bị	Theo Quyết định của Hiệu trưởng nhà trường

11	Tổ Văn hóa - Văn nghệ - Thể dục thể thao	Tổ chức hoạt động phong trào, giáo dục kỹ năng, văn hóa, thể thao	Theo Quyết định của Hiệu trưởng nhà trường
----	--	---	--

Ngoài ra còn có các Hội đồng, Ban, các Tổ thực hiện các nhiệm vụ khác trong nhà trường.

- Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo nhà trường:

ST T	Họ và tên	Chức vụ	Số điện thoại	Thư điện tử
1	Nguyễn Văn Dúp	Hiệu trưởng	0941339037	nguyendup1979@gmail.com
2	Bùi Thị Lương	Phó hiệu trưởng	0914897369	Buithiluong471987@gmail.com
3	Nguyễn Thị Hoa	Phó Hiệu trưởng	0981888288	Nguyenhoathp@gmail.com

### 8. Các văn bản nội bộ của nhà trường

Nhà trường đã ban hành, tổ chức thực hiện và công khai các văn bản nội bộ theo quy định, gồm:

- Kế hoạch chiến lược phát triển của nhà trường;
- Quy chế dân chủ ở cơ sở;
- Quy chế phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội;
- Kế hoạch giáo dục nhà trường;
- Kế hoạch tuyển sinh;
- Kế hoạch thực hiện công khai;
- Các kế hoạch chuyên môn, kế hoạch hoạt động giáo dục, kế hoạch kiểm tra nội bộ và các văn bản khác theo quy định.

## II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Số lượng CBQL, GV, NV chia theo vị trí việc làm và trình độ đào tạo: Tổng số 65 CBQL, GV, NV, trong đó:

STT	Tên vị trí việc làm	Số lượng người	Ghi chú
<b>Vị trí việc làm gắn với công việc lãnh đạo, quản lý</b>			
1	Hiệu trưởng	01	
2	Hiệu phó	02	

<b>Vị trí việc làm gắn với chức danh nghề nghiệp chuyên ngành</b>			
1	Giáo viên THCS hạng II	13	
2	Giáo viên THCS hạng III	11	
3	Giáo viên TH hạng II	14	
3	Giáo viên TH hạng II	8	
<b>Vị trí việc làm gắn với chức danh công việc hỗ trợ, phục vụ</b>			
1	Vị trí việc làm Thiết bị	0	
2	Vị trí việc làm Thư viện	01	
3	Vị trí việc làm Y tế trường học	01	
4	Vị trí việc làm Kế toán	01	
5	Vị trí việc làm Văn thư	01	
<b>Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ</b>			
1	Nhân viên bảo vệ	02	
2	Nhân viên phục vụ	10	

**2. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định**

100% CBQL, giáo viên, nhân viên đạt chuẩn.

**3. Số lượng, tỷ lệ giáo viên cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định**

100% cán bộ QL, giáo viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm.

### **III. CƠ SỞ VẬT CHẤT**

**1. Thông tin về cơ sở vật chất và tài liệu học tập sử dụng chung**

**a) Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định**

- Tổng diện tích toàn trường là 68.800m<sup>2</sup>, trung bình đạt 67,91m<sup>2</sup>/học sinh đạt tiêu chuẩn theo quy định trường chuẩn quốc gia mức độ 2. Diện tích khuôn viên, sân chơi, sân tập theo quy định, đảm bảo cho học sinh luyện tập thường xuyên và có hiệu quả.

- CB, GV, NV và học sinh trong trường có ý thức cao trong việc giữ gìn, bảo vệ cảnh quan trường lớp, CSVC đã được đầu tư và tu sửa hàng năm đảm bảo cho công tác dạy và học.

**b) Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định**

- Nhà trường có 31 phòng lớp học đủ đáp ứng yêu cầu mỗi lớp một phòng riêng. Diện tích phòng học 55,2m<sup>2</sup> đảm bảo đúng quy định. Các phòng học có 35 bộ bàn ghế, đầy đủ hệ thống ánh sáng, quạt, tủ đựng tài liệu đúng quy cách. Trang thiết bị giáo dục được trang bị khá đầy đủ.

- Khối phòng phục vụ học tập của nhà trường gồm có: phòng Tin học, phòng Âm nhạc, Phòng Mỹ thuật, phòng Công nghệ, Phòng Stem, phòng Thư viện, phòng Thiết bị, phòng học bộ môn KHTN, KHXH, phòng Ngoại ngữ, phòng Truyền thông và hoạt động Đội; các phòng có đầy đủ nội quy và trang thiết bị giáo dục, đảm bảo việc sử dụng đúng mục đích. Phòng Tin học có các máy tính đều được kết nối mạng Internet tạo điều kiện cho giáo viên giảng dạy; học sinh học và tham gia ôn luyện các cuộc thi trên mạng, đáp ứng được yêu cầu phát hiện, bồi dưỡng học sinh năng khiếu. Các phòng khác đáp ứng các yêu cầu tối thiểu các hoạt động giáo dục nhà trường.

- Khối phòng phục vụ học tập và khối hành chính - quản trị có đủ theo quy định phục vụ cho công tác quản lý, dạy và học: Phòng Hiệu trưởng 45m<sup>2</sup>, Phòng Hiệu phó 45m<sup>2</sup>, Văn phòng 29m<sup>2</sup>, Phòng bảo vệ 2 phòng tổng 60 m<sup>2</sup>. Trong các phòng được trang bị đầy đủ đồ dùng, thiết bị đáp ứng yêu cầu trong từng lĩnh vực.

- Trường có nhà để xe 150m<sup>2</sup> đủ diện tích, thuận tiện, hài hòa với khuôn viên, đáp ứng nhu cầu của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên. Phòng ăn 554, nhà bếp 109, khu rửa 28, nhà nghỉ đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho GV, nhân viên và học sinh.

**c) Số thiết bị dạy học hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định**

- Có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường. Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học. Số máy chiếu và ti vi thông minh được dùng để sử dụng trong dạy học đáp ứng được nhu cầu dạy và học.

- Ngoài ra nhà trường tiếp tục phát động phong trào giáo viên tham gia làm đồ dùng dạy học và khen thưởng động viên những giáo viên có đồ dùng đạt chất lượng phát huy tối đa việc sử dụng vào giảng dạy. Ban giám hiệu và tổ chuyên môn thường xuyên kiểm tra, dự giờ đánh giá việc sử dụng đồ dùng, thiết bị dạy học và rút kinh nghiệm sau mỗi giờ dạy.

**d) Sách và các tài liệu tham khảo**

- Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Nhà trường tiếp tục đẩy mạnh công tác xã hội hóa, huy động các nguồn lực bổ sung sách, báo và tài liệu tham khảo phục vụ dạy học. Bên cạnh đó, duy trì và phát huy hiệu quả “Tủ sách giáo khoa dùng chung”, hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh thuộc hộ nghèo, cận nghèo, bảo đảm 100% học sinh có đủ sách giáo khoa để học tập, không để học sinh nào phải nghỉ học hoặc học tập thiếu sách giáo khoa do điều kiện kinh tế gia đình.

- Nhà trường tiếp tục quan tâm bổ sung, xây dựng và phát triển nguồn sách pháp luật, tài liệu phục vụ công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, đáp ứng nhu cầu tra cứu, tìm hiểu các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước đối với cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh; góp phần nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật trong nhà trường.

- Đồng thời, nhà trường tiếp tục bổ sung các loại sách, tài liệu bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm, tài liệu hướng dẫn thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 và các tài liệu tham khảo phục vụ đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá; tạo điều kiện để cán bộ quản lý, giáo viên nghiên cứu, tự học, tự bồi dưỡng; nâng cao năng lực chuyên môn, đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo.

#### IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

- Nhà trường đã thực hiện tự đánh giá chất lượng giáo dục theo các văn bản của Bộ Giáo dục và Đào tạo, hằng năm đều xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục.

- Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục đối với nhà trường đã thực hiện đánh giá ngoài theo các văn bản hướng dẫn.

- Hằng năm đều xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục để khắc phục những hạn chế nhằm đưa phong trào dạy và học của nhà trường ngày được nâng lên.

##### \* Đánh giá theo từng tiêu chí

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		x	x	-
Tiêu chí 1.2		x	x	-
Tiêu chí 1.3		x	x	-
Tiêu chí 1.4		x	x	-
Tiêu chí 1.5		x	x	-
Tiêu chí 1.6		x	x	-

Tiêu chí 1.7		x	x	-
Tiêu chí 1.8		x	x	-
Tiêu chí 1.9		x	x	-
Tiêu chí 1.10		x	x	-
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		x	x	-
Tiêu chí 2.2		x	x	-
Tiêu chí 2.3		x	x	-
Tiêu chí 2.4		x	x	-
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		x	x	x
Tiêu chí 3.2		x	x	x
Tiêu chí 3.3		x	x	x
Tiêu chí 3.4		x	x	x
Tiêu chí 3.5		x	x	-
Tiêu chí 3.6		x	x	-
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		x	x	-
Tiêu chí 4.2		x	x	-
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		x	x	-
Tiêu chí 5.2		x	x	-
Tiêu chí 5.3		x	x	-
Tiêu chí 5.4		x	x	-
Tiêu chí 5.5		x	x	-

## V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

### 1. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học 2025-2026

#### a) Kết quả tuyển sinh năm học 2025-2026, cụ thể như sau:

##### - Cấp Tiểu học

TT	Nội dung	Số lớp	Số HS	Bình quân HS/lớp	Số HS bán trú	Số HS ăn trưa	Là học sinh của trường cũ
1	Khối 1	3	89	30	66	33	TH Si Pa Phìn, TH Phìn Hồ

2	Khối 2	3	91	30	81	10	TH Si Pa Phìn, TH Phìn Hồ
3	Khối 3	3	90	30	74	16	TH Si Pa Phìn, TH Phìn Hồ
4	Khối 4	3	89	30	72	17	TH Si Pa Phìn, TH Phìn Hồ
5	Khối 5	3	91	30	76	15	TH Si Pa Phìn, TH Phìn Hồ
<b>Cộng</b>		<b>15</b>	<b>450</b>	<b>30</b>	<b>369</b>	<b>81</b>	

Trong đó:

+ 450 học sinh (100%) học 02 buổi/ngày;

+ số lượng học sinh nam là 230/450, học sinh nữ là 220/450 học sinh.

+ 446/450 học sinh là người dân tộc thiểu số.

+ 01 học sinh khuyết tật.

- Cấp THCS

TT	Nội dung	Số lớp	Số HS	Bình quân HS/lớp	Số HS bán trú	Số HS ăn trưa	Địa điểm học
1	Khối 6	4	141	35,25	102	39	134 HS đang học tại Trường PTNT liên cấp TH và THCS Si Pa Phìn, 4 học sinh đang học tại Trường THCS Tân Phong, 3 học sinh đang học tại Trường PTBT THCS Phìn Hồ
2	Khối 7	4	141	35,25	102	39	136 HS đang học tại Trường PTNT liên cấp TH và THCS Si Pa Phìn, 2 học sinh đang học tại Trường THCS Tân Phong, 3 học sinh đang học tại Trường PTBT THCS Phìn Hồ

3	Khối 8	4	141	35,25	100	41	131 HS đang học tại Trường PTNT liên cấp TH và THCS Si Pa Phìn, 3 học sinh đang học tại Trương THCS Tân Phong, 7 học sinh đang học tại Trường PTBT THCS Phìn Hồ
4	Khối 9	4	140	35	96	44	137 HS đang học tại Trường PTNT liên cấp TH và THCS Si Pa Phìn, 1 học sinh đang học tại Trương THCS Tân Phong, 2 học sinh đang học tại Trường PTBT THCS Phìn Hồ
<b>Cộng</b>		<b>16</b>	<b>563</b>		<b>400</b>	<b>163</b>	<b>0</b>

Trong đó:

+ 563/563 học sinh (100%) học 02 buổi/ngày;

+ Số lượng học sinh nam là 273/563, học sinh nữ là 290/563 học sinh.

+ 551/563 học sinh là người dân tộc thiểu số.

+ 04 học sinh khuyết tật.

**b) Thông kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo; thông kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp.**

**\* Cấp THCS: Thông kê kết quả giáo dục năm học 2025-2026**

	Tổng số	Khối 6	Khối 7	Khối 8	Khối 9
Số lớp	16	4	4	4	4
Số học sinh	562	141	141	141	139
Đánh giá kết quả rèn luyện	562	141	141	141	139
Chia ra: - Tốt	503	129	120	127	127
Trong TS: Nữ	270	69	71	67	63
Dân tộc	493	129	120	120	124
Nữ dân tộc	267	69	71	64	63
- Khá	59	12	21	14	12
Trong TS: Nữ.	19	1	7	7	4

Dân tộc		58	12	21	14	11
Nữ dân tộc		19	1	7	7	4
- Đạt		0	0	0	0	0
Trong TS: Nữ		0	0	0	0	0
Dân tộc		0	0	0	0	0
Nữ dân tộc		0	0	0	0	0
- Chưa đạt		0	0	0	0	0
Trong TS: Nữ		0	0	0	0	0
Dân tộc		0	0	0	0	0
Nữ dân tộc		0	0	0	0	0
Đánh giá Kết quả học tập		562	141	141	141	139
Chia ra: - Tốt		23	1	5	8	9
Trong TS: Nữ		14	1	4	4	5
Dân tộc		18	1	5	4	8
Nữ dân tộc		12	1	4	2	5
- Khá		230	48	49	71	62
Trong TS: Nữ		165	40	36	47	42
Dân tộc		226	48	49	68	61
Nữ dân tộc		164	40	36	46	42
- Đạt		308	91	87	62	68
Trong TS: Nữ		109	28	38	23	20
Dân tộc		306	91	87	62	66
Nữ dân tộc		109	28	38	23	20
- Chưa đạt		1	1	0	0	0
Trong TS: Nữ		1	1	0	0	0
Dân tộc		1	1	0	0	0
Nữ dân tộc		1	1	0	0	0

- Số học sinh giảm so với tháng 03/2026: 01 học sinh, lí do: bỏ học.

- Số học sinh hoàn thành chương trình giáo dục THCS: 139/139 (100%).

- Thành tích tham gia các cuộc thi cấp xã: Đạt được 02 giải nhất, 01 giải ba cuộc thi Sáng tạo thanh thiếu niên nhi đồng; 01 giải nhất, 01 giải nhì, 02 giải ba cuộc thi sáng kiến đảm bảo trật trường học.

- Số học sinh được khen thưởng năm học 2025-2026: 23 học sinh, cụ thể:

STT	Lớp	Khen thưởng cuối năm học		Khen thưởng học sinh có thành tích đột xuất trong rèn luyện và học tập trong năm học	Ghi chú
		Học sinh xuất sắc	Học sinh giỏi		
<b>Tổng</b>		<b>0</b>	<b>23</b>	<b>0</b>	
1	6A1	0	0	0	
2	6A2	0	1	0	
3	6A3	0	0	0	
4	6A4	0	0	0	
5	7A1	0	5	0	
6	7A2	0	0	0	
7	7A3	0	0	0	
8	7A4	0	0	0	
9	8A1	0	8	0	
10	8A2	0	0	0	
11	8A3	0	0	0	
12	8A4	0	0	0	
13	9A1	0	9	0	
14	9A2	0	0	0	
15	9A3	0	0	0	
16	9A4	0	0	0	

\* **Cấp Tiểu học** (có biểu kết quả kèm theo)

**3. Cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp thực hiện công khai thêm nội dung: số lượng học sinh đang học (chia theo số lượng học sinh là người Việt Nam, số lượng học sinh là người nước ngoài: Không**

## VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

Hằng năm, nhà trường căn cứ vào ngân sách được giao, các nguồn thu tại trường để lập dự toán thu chi. Dự toán được xây dựng đúng quy trình. Nhà trường thực hiện thu chi, quyết toán và báo cáo tài chính theo chế độ kế toán, tài chính của Nhà nước: có dự toán, quyết toán tài chính, báo cáo tài chính theo từng năm học và thực hiện đầy đủ các quy định quản lý, lưu trữ hồ sơ chứng từ.

Hệ thống sổ sách, chứng từ của trường đầy đủ và hợp lệ. Các khoản thu chi của nhà trường đều thực hiện theo các văn bản hướng dẫn của các cấp có thẩm quyền.

Ngay từ khi đi vào hoạt động, Hiệu trưởng căn cứ vào nhiệm vụ năm học để xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ trường học và định kì tự kiểm tra công tác tài chính, tài sản theo đúng quy định, quy chế chi tiêu nội bộ. Cụ thể:

- Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong tháng 3,4,5 năm 2026 năm học 2025 - 2026 trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

TT	Chỉ số thống kê	Năm báo cáo
<b>A</b>	<b>TỔNG THU HOẠT ĐỘNG</b>	<b>15.360.041.469</b>
I	Nguồn thu thường xuyên từ NSNN	15.360.041.469
	Nguồn NSNN thường xuyên giao tự chủ	13.041.611.969
	Nguồn NSNN thường xuyên không giao tự chủ	2.318.429.500
II	Thu khác	
<b>B</b>	<b>TỔNG CHI HOẠT ĐỘNG</b>	<b>4.909.000.575</b>
I	Nguồn NSNN thường xuyên giao tự chủ	3.027.485.625
1	Tiền lương	1.013.733.981
2	Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	29.629.632
3	Phụ cấp lương	1.678.048.767
4	Các khoản đóng góp	262.532.618
5	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	9.703.627
6	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	4.340.000
7	Mua, bảo trì phần mềm công nghệ thông tin	29.497.000
II	Chi nguồn ngân sách thường xuyên không giao tự chủ	1.881.514.950
1	Chi tiền ăn hỗ trợ cho HSBT	1.624.913.000

2	Chi tiền trực ngoài giờ HSBT	79.856.000
3	Chi tiền hỗ trợ nhân viên nấu ăn	176.745.950
4	Chi phí chung và chi khác	
III	Chi hỗ trợ người học	
1	Chi học bổng và hỗ trợ học tập	
2	Chi hoạt động nghiên cứu	
3	Chi hoạt động khác	
IV	Chi khác	
<b>C</b>	<b>CHÊNH LỆCH THU CHI</b>	<b>10.451.040.894</b>

## VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

### 1. Công tác bảo đảm an toàn trường học, xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh

Nhà trường luôn xác định việc bảo đảm an toàn cho học sinh là nhiệm vụ trọng tâm hàng đầu. Với quy mô 31 lớp, 1.013 học sinh, trong đó có 773 học sinh nội trú và 240 học sinh bán trú ăn trưa, nhà trường đã duy trì tốt công tác vệ sinh môi trường, chăm sóc sức khỏe ban đầu, phòng chống dịch bệnh, phòng chống tai nạn thương tích, phòng chống cháy nổ và bảo đảm an ninh trật tự trong trường học.

Thường xuyên tổ chức tuyên truyền giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, phòng chống bạo lực học đường, phòng chống xâm hại trẻ em, tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống, ma túy và các tệ nạn xã hội. Xây dựng môi trường giáo dục an toàn, thân thiện, lành mạnh; không để xảy ra vụ việc mất an ninh, an toàn nghiêm trọng trong năm học.

### 2. Thực hiện chương trình, kế hoạch giáo dục

Nhà trường chủ động xây dựng kế hoạch giáo dục phù hợp với điều kiện thực tế của trường nội trú liên cấp; tổ chức thực hiện nghiêm túc Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với cả hai cấp học.

Các tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch giáo dục, kế hoạch dạy học, kế hoạch bài dạy phù hợp với đối tượng học sinh; chú trọng đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong dạy học.

Song song với việc nâng cao chất lượng đại trà, nhà trường duy trì tổ chức phụ đạo học sinh còn hạn chế về năng lực học tập, bồi dưỡng học sinh giỏi các

khối lớp, đặc biệt tăng cường ôn tập cho học sinh lớp 9 tham gia kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 và xét công nhận tốt nghiệp THCS.

### **3. Tổ chức các hoạt động giáo dục và phong trào thi đua**

Chi bộ, Đoàn Thanh niên, Liên đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh phối hợp với các tổ chuyên môn tổ chức nhiều hoạt động giáo dục, trải nghiệm phù hợp với đặc điểm học sinh nội trú.

Duy trì tốt các giờ sinh hoạt dưới cờ, phát thanh măng non, sinh hoạt tập thể, các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, giáo dục kỹ năng sống, giáo dục truyền thống và giữ gìn bản sắc văn hóa các dân tộc.

Tổ chức các hoạt động trải nghiệm, các cuộc thi, phong trào thi đua thiết thực, tạo môi trường để học sinh phát triển toàn diện.

### **4. Công tác phối hợp với cha mẹ học sinh và huy động nguồn lực xã hội**

Nhà trường duy trì tốt mối quan hệ phối hợp giữa gia đình, nhà trường và xã hội trong công tác chăm sóc, giáo dục học sinh. Phụ huynh học sinh luôn đồng thuận, ủng hộ các chủ trương của nhà trường, tích cực phối hợp quản lý học sinh và tham gia các hoạt động giáo dục.

Các nguồn lực huy động từ xã hội hóa giáo dục được thực hiện trên tinh thần tự nguyện, công khai, đúng quy định, góp phần cải thiện cảnh quan môi trường và nâng cao điều kiện học tập, sinh hoạt cho học sinh.

### **5. Công tác quản lý nội trú, bán trú và chăm sóc sức khỏe học sinh**

Nhà trường tổ chức tốt công tác quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng 773 học sinh nội trú và 240 học sinh bán trú. Thực hiện nghiêm túc chế độ chính sách đối với học sinh nội trú, bán trú theo quy định; duy trì nền nếp học tập, sinh hoạt ngoài giờ lên lớp và tự học buổi tối.

Thực đơn hằng ngày được xây dựng khoa học, phù hợp với lứa tuổi học sinh, công khai đầy đủ tại khu vực nhà ăn; bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm. Công tác kiểm tra, giám sát thực phẩm được thực hiện thường xuyên với sự tham gia của Ban Giám hiệu, bộ phận y tế, Công đoàn và đại diện cha mẹ học sinh.

Nhà trường thực hiện tốt công tác y tế trường học, theo dõi sức khỏe học sinh, phòng chống dịch bệnh; không để xảy ra ngộ độc thực phẩm và dịch bệnh trong trường học.

### **6. Xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên**

Nhà trường có 65 cán bộ, giáo viên, nhân viên; đội ngũ cơ bản đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ của trường nội trú liên cấp.

100% cán bộ quản lý, giáo viên tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, bồi dưỡng thường xuyên theo quy định; tích cực đổi mới phương pháp dạy học, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý và giảng dạy.

Chi bộ nhà trường có 39 đảng viên; đội ngũ đảng viên luôn phát huy vai trò tiên phong, gương mẫu trong thực hiện nhiệm vụ.

### **7. Tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học**

Nhà trường được quan tâm đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ dạy học và quản lý học sinh nội trú. Các phòng học, phòng chức năng, khu nội trú, nhà ăn, khu sinh hoạt tập thể được đưa vào sử dụng, đáp ứng yêu cầu tổ chức dạy học và sinh hoạt của học sinh.

Công tác quản lý, sử dụng, bảo quản thiết bị dạy học được thực hiện hiệu quả; thường xuyên rà soát, bổ sung thiết bị, đồ dùng dạy học, phục vụ triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

### **8. Đổi mới công tác quản lý, chuyển đổi số và xây dựng kỷ cương nền nếp**

Ban Giám hiệu thường xuyên tăng cường công tác kiểm tra nội bộ, kiểm tra hoạt động sư phạm của giáo viên, dự giờ, thăm lớp, kiểm tra việc thực hiện quy chế chuyên môn và nền nếp dạy học.

Nhà trường đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, khai thác hiệu quả cơ sở dữ liệu ngành, phần mềm quản lý trường học, học bạ số, chữ ký số và các phần mềm phục vụ công tác quản lý.

Các chế độ thông tin, báo cáo được thực hiện đầy đủ, đúng thời gian; công tác cấp phát văn bằng, quản lý hồ sơ được thực hiện đúng quy định.

Trong năm học, không có cán bộ, giáo viên, nhân viên vi phạm kỷ luật; tập thể nhà trường đoàn kết, thống nhất, hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao; 53/53 cán bộ, giáo viên, nhân viên đạt danh hiệu Lao động tiên tiến, 08 đồng chí được đề nghị công nhận danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở; tập thể nhà trường được đề nghị công nhận danh hiệu Tập thể Lao động tiên tiến.

Trên đây là Báo cáo thường niên công khai trong hoạt động của Trường PTNT liên cấp Tiểu học và THCS Si Pa Phìn, năm học 2025-2026./.

**Nơi nhận:**

- UBND xã (b/c);
- Phòng VH-XH;
- Trang Web nhà trường;
- Lưu: VT.

**HIỆU TRƯỞNG**



**Nguyễn Văn Dúp**

**BIỂU KẾT QUẢ HỌC TẬP CẤP TIỂU HỌC, NĂM HỌC 2025-2026**  
(Kèm theo Báo cáo số 9H/BC-NTr ngày 01/6/2026)

**1. Chất lượng giáo dục**

	ST số	Tổng số HS có KQĐ G	Lớp 1				Lớp 2				Lớp 3				Lớp 4				Lớp 5				
			Trong tổng số		Tổng số HS có KQĐ G	Trong tổng số		Tổng số HS có KQĐ G	Trong tổng số		Tổng số HS có KQĐ G	Trong tổng số		Tổng số HS có KQĐ G	Trong tổng số		Tổng số HS có KQĐ G	Trong tổng số		Tổng số HS có KQĐ G	Trong tổng số		
			Nữ	Dân tộc		Nữ	Dân tộc		Nữ	Dân tộc		Nữ	Dân tộc		Nữ	Dân tộc		Nữ	Dân tộc		Nữ	Dân tộc	Nữ
<b>I. Năng lực cốt lõi</b>																							
<b>Năng lực chung</b>																							
<b>Tự chủ và tự học</b>	449	449	88	38	86	38	91	43	91	43	49	89	49	89	47	87	47	91	44	90	44	44	
<b>Tốt</b>		155	34	18	32	18	27	16	27	16	21	27	21	30	20	29	20	36	19	36	19	19	
<b>Đạt</b>		294	54	20	54	20	64	27	64	27	28	62	28	59	27	58	27	55	25	54	25	25	
<b>Cần cố gắng</b>																							
<b>Giao tiếp và hợp tác</b>	449	449	88	38	86	38	91	43	91	43	49	89	49	89	47	87	47	91	44	90	44	44	
<b>Tốt</b>		152	32	17	30	17	27	16	27	16	21	27	21	30	20	29	20	35	18	35	18	18	
<b>Đạt</b>		297	56	21	56	21	64	27	64	27	28	62	28	59	27	58	27	56	26	55	26	26	
<b>Cần cố gắng</b>																							
<b>Giải quyết vấn đề và sáng tạo</b>	449	449	88	38	86	38	91	43	91	43	49	89	49	89	47	87	47	91	44	90	44	44	
<b>Tốt</b>		153	33	16	31	16	27	16	27	16	21	27	21	30	20	29	20	35	18	35	18	18	
<b>Đạt</b>		296	55	22	55	22	64	27	64	27	28	62	28	59	27	58	27	56	26	55	26	26	
<b>Cần cố gắng</b>																							
<b>Năng lực đặc thù</b>																							
<b>Ngôn ngữ</b>	449	449	88	38	86	38	91	43	91	43	49	89	49	89	47	87	47	91	44	90	44	44	
<b>Tốt</b>		169	36	19	34	19	30	18	30	18	21	27	21	35	25	34	25	40	21	39	21	21	
<b>Đạt</b>		280	52	19	52	19	61	25	61	25	28	62	28	54	22	53	22	51	23	51	23	23	
<b>Cần cố gắng</b>																							
<b>Tính toán</b>	449	449	88	38	86	38	91	43	91	43	49	89	49	89	47	87	47	91	44	90	44	44	
<b>Tốt</b>		170	41	18	39	18	29	18	29	18	21	27	21	30	20	29	20	42	22	42	22	22	
<b>Đạt</b>		279	47	20	47	20	62	25	62	25	28	62	28	59	27	58	27	49	22	48	22	22	
<b>Cần cố gắng</b>																							
<b>Tin học</b>	270	270																					
<b>Tốt</b>		95																					



Đạt		233	52	18	52	18	53	21	53	21	48	19	48	19	43	20	42	20	37	15	37	15
Cần cố gắng																						
<b>III. Đánh giá KQGD</b>	449	449	88	38	86	38	91	43	91	43	90	49	89	49	89	47	87	47	91	44	90	44
- Hoàn thành xuất		42	12	8	10	8	7	6	7	6	8	5	8	5	8	4	8	4	7	5	7	5
- Hoàn thành tốt		113	19	8	19	8	20	10	20	10	24	18	23	18	22	15	21	15	28	14	28	14
- Hoàn thành		294	57	22	57	22	64	27	64	27	58	26	58	26	59	28	58	28	56	25	55	25
- Chưa hoàn thành																						
<b>V. Khen thưởng</b>		103	31	16	29	16	10	8	10	8	18	12	18	12	25	17	25	17	19	9	19	9
- Giấy khen cấp trường		103	31	16	29	16	10	8	10	8	18	12	18	12	25	17	25	17	19	9	19	9
<b>IX. Chương trình lớp học</b>	449	449	88	38	86	38	91	43	91	43	90	49	89	49	89	47	87	47	91	44	90	44
Hoàn thành	449	449	88	38	86	38	91	43	91	43	90	49	89	49	89	47	87	47	91	44	90	44
Chưa hoàn thành																						